

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư  
Chứng khoán Vietcombank**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 44

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669, đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 11 tháng 7 năm 2024, do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Vũ Quang Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Quang Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Avinash Deepak Satwalekar	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Avinash Deepak Satwalekar	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Bà Đoàn Hồng Nhung	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Bà Đoàn Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Sỹ Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2016
Ông Christian Bucaro	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023

### BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Điều hành và Kế toán Trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Quang Đông	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Sỹ Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Bà Trần Thị Hà Linh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 17 tháng 4 năm 2024 là ông Vũ Quang Đông – Tổng Giám đốc của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 17 tháng 4 năm 2024 đến ngày 14 tháng 5 năm 2024 là ông Vũ Quang Đông – Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 14 tháng 5 năm 2024 đến ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Hằng Nga – Tổng Giám đốc của Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 13489308/68440794-FS-SX

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

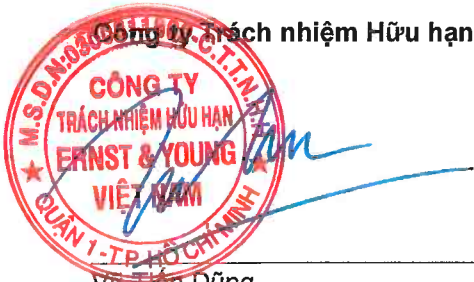
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ERNST & YOUNG  
VIỆT NAM  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Tiến Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>378.107.569.116</b>	<b>390.706.807.333</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.319.991.248</b>	<b>4.194.349.438</b>
111	1. Tiền		2.319.991.248	4.194.349.438
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>360.846.941.614</b>	<b>312.325.573.216</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		360.846.941.614	312.325.573.216
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>14.153.101.040</b>	<b>73.116.893.813</b>
132	1. Trả trước cho người bán		144.920.000	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	9.688.350.354	67.194.018.035
135	3. Các khoản phải thu khác	6.2	4.319.830.686	5.922.875.778
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>787.535.214</b>	<b>1.069.990.866</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	652.678.972	1.024.998.566
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		134.856.242	44.992.300
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>42.474.330.039</b>	<b>43.408.608.536</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.344.375.299</b>	<b>2.267.412.436</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8.1	479.627.808	714.972.892
222	Nguyên giá tài sản cố định		5.380.746.214	5.380.746.214
223	Khấu hao lũy kế		(4.901.118.406)	(4.665.773.322)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8.2	864.747.491	1.552.439.544
228	Nguyên giá tài sản cố định		5.397.828.000	5.397.828.000
229	Hao mòn lũy kế		(4.533.080.509)	(3.845.388.456)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác	9	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.129.954.740</b>	<b>1.141.196.100</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	28.103.040	39.344.400
268	2. Tài sản dài hạn khác	10	1.101.851.700	1.101.851.700
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>420.581.899.155</b>	<b>434.115.415.869</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.871.405.044</b>	<b>30.078.498.855</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.871.405.044</b>	<b>30.078.498.855</b>
312	1. Phải trả người bán		12.000.000	829.176.164
314	2. Thuế và các khoản nợ Nhà nước	11	2.210.138.151	9.936.046.282
315	3. Phải trả người lao động		145.841.818	2.381.107.797
316	4. Chi phí phải trả	12	387.956.576	16.085.542.943
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		487.063.846	417.401.641
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	2.628.404.653	429.224.028
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>414.710.494.111</b>	<b>404.036.917.014</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	265.000.000.000	265.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.301.548.849	4.301.548.849
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		5.181.385.383	5.181.385.383
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.292.451.186	2.292.451.186
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		137.935.108.693	127.261.531.596
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>420.581.899.155</b>	<b>434.115.415.869</b>



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01a-CTQ

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
005	1. Ngoại tệ các loại		10.236.809	9.761.310
006	2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		-	9.000.000.000
007	Trong đó: 2.1. Chứng khoán giao dịch		-	9.000.000.000
020	3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		165.633.069.200	165.633.069.200
030 031	4. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	15	71.983.266.469	63.556.169.753
	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		66.110.081.366	58.870.103.633
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		5.873.185.103	4.686.066.120
040	5. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	16	3.155.275.954.853	3.359.454.589.091
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		2.924.388.608.419	2.729.463.327.529
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		230.887.346.434	629.991.261.562
050	6. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	17	20.801.918.461	47.272.977.745
051	7. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	18	8.198.030.816	71.231.111.581

Người lập:



Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
01	1. Doanh thu	19	36.124.432.616	27.185.974.026
11	2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	20	(10.649.984.628)	(8.079.961.250)
20	3. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)		25.474.447.988	19.106.012.776
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.308.582.606	8.716.933.262
22	5. Chi phí tài chính	22	(7.495.826)	8.164.210.566
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(13.437.683.403)	(14.394.830.008)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25)		19.337.851.365	21.592.326.596
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)		19.337.851.365	21.592.326.596
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(3.911.574.268)	(4.466.334.625)
60	10. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)		15.426.277.097	17.125.991.971

Người lập:



Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

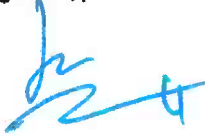
# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		94.298.270.729	31.795.536.261
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(9.600.628.389)	(7.389.675.621)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(23.277.864.934)	(12.909.893.243)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(11.671.691.657)	(139.976.666)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	47.490.405	130.329.600
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.709.815.494)	(8.373.683.243)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>38.085.760.660</b>	<b>3.112.637.088</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(368.000.000)	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(111.800.000.000)	(118.463.946.681)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		67.965.774.217	101.284.030.385
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.092.124.042
27	5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi, lãi trái phiếu		4.241.631.434	4.250.923.186
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(39.960.594.349)</b>	<b>(7.836.869.068)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(1.874.833.689)</b>	<b>(4.724.231.980)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	4.194.349.438	6.986.641.370
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		475.499	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	2.319.991.248	2.262.409.390

Người lập:



Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	265.000.000.000	265.000.000.000	-	-	-	-	265.000.000.000	265.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển		4.301.548.849	4.301.548.849	-	-	-	-	4.301.548.849	4.301.548.849
3. Quỹ dự phòng tài chính		5.181.385.383	5.181.385.383	-	-	-	-	5.181.385.383	5.181.385.383
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.292.451.186	2.292.451.186	-	-	-	-	2.292.451.186	2.292.451.186
5. Lợi nhuận chưa phân phối		63.925.998.508	127.261.531.596	17.125.991.971	(1.500.000.000)	15.426.277.097	(4.752.700.000)	79.551.990.479	137.935.108.693
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>340.701.383.926</b>	<b>404.036.917.014</b>	<b>17.125.991.971</b>	<b>(1.500.000.000)</b>	<b>15.426.277.097</b>	<b>(4.752.700.000)</b>	<b>356.327.375.897</b>	<b>414.710.494.111</b>

Người lập:

Người kiểm soát:




Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669, đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 11 tháng 7 năm 2024, do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 42 người (31 tháng 12 năm 2023: 44 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 3.4 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

#### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong kỳ.

### 3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Chi phí dịch vụ mua ngoài.

### 3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 3.8 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Thiết bị văn phòng	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Thẻ hội viên câu lạc bộ chơi golf	20 năm

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.10 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

### 3.11 Lợi ích nhân viên

#### 3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ cơ quan Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

#### 3.11.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

#### 3.11.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.12 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3.13 *Các quỹ*

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Phí quản lý*

Phí quản lý được tính trên vốn ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

#### *Phí tư vấn đầu tư*

Phí tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng tư vấn đầu tư.

#### *Phí thưởng hoạt động*

Phí thưởng hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi có phát sinh, nếu giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác tăng cao hơn mức tham chiếu được quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.15 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 3.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.18 Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

#### *Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 4. TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	-	16.407.900
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	1.651.221.572	4.005.399.270
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	668.769.676	172.542.268
	<b>2.319.991.248</b>	<b>4.194.349.438</b>

## 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ (i)	127.924.097.779	127.924.097.779
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (ii)	232.922.843.835	175.400.124.383
Đầu tư vào trái phiếu niêm yết	-	9.001.351.054
	<b>360.846.941.614</b>	<b>312.325.573.216</b>

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Số lượng (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Số lượng (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Giá gốc VND</i>
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược ("VCBF-TBF")	1.334.027,88	13.393.639.981	1.334.027,88	13.393.639.981
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu ("VCBF-BCF")	1.368.027,88	13.734.999.981	1.368.027,88	13.734.999.981
Quỹ Đầu tư Trái phiếu ("VCBF-FIF")	5.000.000,24	50.795.457.817	5.000.000,24	50.795.457.817
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng ("VCBF-MGF")	4.861.250,92	50.000.000.000	4.861.250,92	50.000.000.000
	<b>12.563.306,92</b>	<b>127.924.097.779</b>	<b>12.563.306,92</b>	<b>127.924.097.779</b>

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 6 tháng kể từ ngày gửi, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và hưởng lãi suất năm từ 4,00% đến 5,70% (31/12/2023: từ 3,70% đến 9,50%).

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

		Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Trả trước cho người bán		144.920.000	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	9.688.350.354	67.194.018.035
Các khoản phải thu khác	6.2	4.319.830.686	5.922.875.778
		<b>14.153.101.040</b>	<b>73.116.893.813</b>
<b>6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ</b>			
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phí quản lý phải thu		7.888.024.423	6.926.786.780
Phải thu phí tư vấn đầu tư		378.795.000	361.200.000
Phải thu phí thường hoạt động		-	59.705.796.430
Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ		1.421.530.931	200.234.825
		<b>9.688.350.354</b>	<b>67.194.018.035</b>
<b>6.2 Các khoản phải thu khác</b>			
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng		3.599.901.496	5.558.319.305
Lãi phải thu từ trái phiếu		590.027.397	263.764.383
Các khoản phải thu khác		129.901.793	100.792.090
		<b>4.319.830.686</b>	<b>5.922.875.778</b>

## 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		<b>652.678.972</b>	<b>1.024.998.566</b>
Chi phí thuê máy chủ VNPT Icloud		333.263.400	712.437.000
Công cụ dụng cụ		99.770.862	144.749.494
Dịch vụ bảo trì hệ thống Fund track		71.725.000	-
Cước thuê đường truyền Metronet		71.484.000	31.452.960
Chi phí tư vấn		55.733.517	53.550.337
Dịch vụ bảo trì hệ thống CNTT		20.702.193	82.808.775
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		<b>28.103.040</b>	<b>39.344.400</b>
Cước phí internet		28.103.040	39.344.400
		<b>680.782.012</b>	<b>1.064.342.966</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

### 8.1 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	4.033.871.214	1.346.875.000	5.380.746.214
Số cuối kỳ	<u>4.033.871.214</u>	<u>1.346.875.000</u>	<u>5.380.746.214</u>
<b>Giá trị khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	3.394.259.064	1.271.514.258	4.665.773.322
Khấu hao trong kỳ	<u>216.667.078</u>	<u>18.678.006</u>	<u>235.345.084</u>
Số cuối kỳ	<u>3.610.926.142</u>	<u>1.290.192.264</u>	<u>4.901.118.406</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	<u>639.612.150</u>	<u>75.360.742</u>	<u>714.972.892</u>
Số cuối kỳ	<u>422.945.072</u>	<u>56.682.736</u>	<u>479.627.808</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 4.143.513.214 VND (31/12/2023: 2.668.673.214 VND).

### 8.2 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm máy vi tính VND</i>	<i>Thẻ hội viên câu lạc bộ chơi golf VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	3.819.300.000	1.578.528.000	5.397.828.000
Số cuối kỳ	<u>3.819.300.000</u>	<u>1.578.528.000</u>	<u>5.397.828.000</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	2.555.832.921	1.289.555.535	3.845.388.456
Hao mòn trong kỳ	<u>648.228.853</u>	<u>39.463.200</u>	<u>687.692.053</u>
Số cuối kỳ	<u>3.204.061.774</u>	<u>1.329.018.735</u>	<u>4.533.080.509</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	<u>1.263.467.079</u>	<u>288.972.465</u>	<u>1.552.439.544</u>
Số cuối kỳ	<u>615.238.226</u>	<u>249.509.265</u>	<u>864.747.491</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 2.937.000.000 VND (31/12/2023: 0 VND).

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Phản ánh khoản đầu tư của Công ty vào trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành bằng VND với kỳ hạn 7 đến 10 năm và hưởng lãi suất năm từ 6,48% đến 6,65% tại ngày kết thúc kỳ kế toán (31/12/2023: từ 6,48% đến 6,65%).

## 10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

## 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Tăng/(giảm) trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
		Tăng trong kỳ VND	Đã trả trong kỳ VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.514.691.480	3.911.574.268	(11.671.691.657)	1.754.574.091
Thuế thu nhập cá nhân	354.244.136	8.777.667.824	(8.804.444.583)	327.467.377
Thuế giá trị gia tăng	67.110.666	289.233.143	(228.247.126)	128.096.683
Thuế nhà thầu	-	127.698.360	(127.698.360)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<b>9.936.046.282</b>	<b>13.109.173.595</b>	<b>(20.835.081.726)</b>	<b>2.210.138.151</b>

## 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Chi thưởng, hoa hồng cho nhân viên	52.370.301	15.300.978.752
Chi phí marketing	-	402.300.000
Chi phí phải trả khác	335.586.275	382.264.191
	<b>387.956.576</b>	<b>16.085.542.943</b>

## 13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Thay đổi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Đầu kỳ	<b>429.224.028</b>	<b>1.236.674.028</b>
Trích lập trong kỳ	4.752.700.000	1.500.000.000
Sử dụng trong kỳ	(2.553.519.375)	(868.500.000)
Cuối kỳ	<b>2.628.404.653</b>	<b>1.868.174.028</b>



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 14. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	135.150.000.000	51,00	135.150.000.000	51,00
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	129.850.000.000	49,00	129.850.000.000	49,00
	<b>265.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>265.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

## 15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Biến động tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
<b>Đầu kỳ</b>	<b>63.556.169.753</b>	<b>110.019.593.554</b>
Tăng trong kỳ	1.792.392.780.304	1.393.462.635.387
Giảm trong kỳ	(1.783.965.683.588)	(1.422.118.439.911)
<b>Cuối kỳ</b>	<b>71.983.266.469</b>	<b>81.363.789.030</b>

Chi tiết tiền gửi các nhà đầu tư ủy thác như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	<b>66.110.081.366</b>	<b>58.870.103.633</b>
Nhà đầu tư AM016 (i)	23.855.294.466	16.142.978.919
Nhà đầu tư UL01 (ii)	12.939.441.117	5.217.786.216
Nhà đầu tư UL02 (iii)	11.154.618.973	19.976.981.214
Nhà đầu tư AM038 (iv)	6.261.046.964	3.335.257.809
Nhà đầu tư AM035 (v)	4.537.901.375	749.610.032
Nhà đầu tư AM041 (vi) (*)	2.729.102.166	3.507.101.919
Nhà đầu tư AM037 (vii)	2.426.269.026	1.312.583.438
Nhà đầu tư AM040 (viii)	1.031.078.598	-
Nhà đầu tư AM034 (ix)	270.620.856	638.209.214
Nhà đầu tư AM036 (x)	150.656.911	239.959.693
Nhà đầu tư AMI29 (xi)	133.895.751	167.583.408
Nhà đầu tư AMI58 (xii)	117.798.264	183.170.189
Nhà đầu tư CB (xiii)	9.188.504	5.186.345
Các nhà đầu tư khác (xiv)	493.168.395	7.393.695.237
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>	<b>5.873.185.103</b>	<b>4.686.066.120</b>
Nhà đầu tư AM20 (xv)	5.873.185.103	4.686.066.120
	<b>71.983.266.469</b>	<b>63.556.169.753</b>

(\*) Trong năm 2024, Nhà đầu tư AMI59 cập nhật mã nhà đầu tư thành Nhà đầu tư AM041 do thay đổi Ngân hàng lưu ký.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

### (i) Nhà đầu tư AM016

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>16.142.978.919</b>	<b>13.034.651.083</b>
Tăng trong kỳ	337.673.545.497	325.677.010.061
<i>Giá trị tài sản ủy thác gửi thêm trong kỳ</i>	<i>121.000.000.000</i>	<i>204.000.000.000</i>
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	<i>184.995.974.788</i>	<i>26.227.950.128</i>
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>31.677.570.709</i>	<i>95.449.059.933</i>
Giảm trong kỳ	(329.961.229.950)	(294.783.127.155)
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(244.418.718.735)</i>	<i>(220.041.096.987)</i>
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(85.542.511.215)</i>	<i>(74.742.030.168)</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>23.855.294.466</b>	<b>43.928.533.989</b>

### (ii) Nhà đầu tư UL01

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>5.217.786.216</b>	<b>4.315.565.017</b>
Tăng trong kỳ	48.771.079.421	92.380.028.578
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	<i>7.870.384.403</i>	<i>50.076.284.102</i>
<i>Đáo hạn trái phiếu</i>	<i>4.350.582.740</i>	<i>-</i>
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>36.550.112.278</i>	<i>42.303.744.476</i>
Giảm trong kỳ	(41.049.424.520)	(85.270.917.037)
<i>Giá trị tài sản ủy thác rút bớt trong kỳ</i>	<i>(9.042.561.896)</i>	<i>(52.529.300.162)</i>
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>-</i>	<i>(5.004.821.918)</i>
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(32.006.862.624)</i>	<i>(27.736.794.957)</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>12.939.441.117</b>	<b>11.424.676.558</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

### (iii) Nhà đầu tư UL02

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>19.976.981.214</b>	<b>70.644.924.488</b>
Tăng trong kỳ	284.846.174.418	85.796.722.453
Giá trị tài sản ủy thác gửi thêm trong kỳ	107.027.678.421	30.272.703.742
Thu từ bán chứng khoán	19.275.854.905	35.744.887.544
Đáo hạn trái phiếu	11.499.875.346	
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	147.042.765.746	19.779.131.167
Giảm trong kỳ	(293.668.536.659)	(149.813.098.961)
Giá trị tài sản ủy thác rút bớt trong kỳ	(35.533.250.700)	(44.591.233.497)
Chi mua chứng khoán	(170.356.879.703)	(91.363.848.962)
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	(87.778.406.256)	(13.858.016.502)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.154.618.973</b>	<b>6.628.547.980</b>

### (iv) Nhà đầu tư AM038

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>3.335.257.809</b>	-
Tăng trong kỳ	17.187.087.308	-
Thu từ bán chứng khoán	12.444.564.571	-
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	4.742.522.737	-
Giảm trong kỳ	(14.261.298.153)	-
Chi mua chứng khoán	(8.918.755.008)	-
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	(5.342.543.145)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.261.046.964</b>	-

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(v) Nhà đầu tư AM035

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>749.610.032</b>	<b>544.280.824</b>
Tăng trong kỳ	6.825.110.438	2.297.276.715
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	6.113.893.887	1.761.204.225
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	711.216.551	536.072.490
Giảm trong kỳ	(3.036.819.095)	(2.344.591.938)
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(2.542.309.018)	(1.925.646.162)
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	(494.510.077)	(418.945.776)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.537.901.375</b>	<b>496.965.601</b>

(vi) Nhà đầu tư AM041

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>3.507.101.919</b>	-
Tăng trong kỳ	87.922.794.594	360.510.901.194
<i>Giá trị tài sản ủy thác gửi thêm trong kỳ</i>	-	350.000.000.000
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	80.085.830.040	-
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	7.836.964.554	10.510.901.194
Giảm trong kỳ	(88.700.794.347)	(356.307.448.004)
<i>Giá trị tài sản ủy thác rút bớt trong kỳ</i>	(84.358.180.000)	(10.500.000.000)
<i>Chi mua chứng khoán</i>	-	(339.023.500.000)
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	(4.342.614.347)	(6.783.948.004)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.729.102.166</b>	<b>4.203.453.190</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(vii) Nhà đầu tư AM037

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.312.583.438</b>	<b>11.717.861.197</b>
Tăng trong kỳ	5.333.167.110	11.056.595.486
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	<i>4.261.901.458</i>	<i>2.015.553.602</i>
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>1.071.265.652</i>	<i>9.041.041.884</i>
Giảm trong kỳ	(4.219.481.522)	(21.285.012.444)
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(2.524.571.938)</i>	<i>(12.744.919.109)</i>
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(1.694.909.584)</i>	<i>(8.540.093.335)</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.426.269.026</b>	<b>1.489.444.239</b>

(viii) Nhà đầu tư AM040

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	-	-
Tăng trong kỳ	1.885.115.366	-
<i>Giá trị tài sản ủy thác gửi thêm trong kỳ</i>	<i>573.301.784</i>	-
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>1.311.813.582</i>	-
Giảm trong kỳ	(854.036.768)	-
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(626.095.891)</i>	-
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(227.940.877)</i>	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.031.078.598</b>	-

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(ix) Nhà đầu tư AM034

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>638.209.214</b>	<b>245.072.603</b>
Tăng trong kỳ	324.256.187	3.046.510.188
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	-	2.607.897.234
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	324.256.187	438.612.954
Giảm trong kỳ	(691.844.545)	(2.779.014.500)
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(105.697.248)	(2.459.533.775)
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	(586.147.297)	(319.480.725)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>270.620.856</b>	<b>512.568.291</b>

(x) Nhà đầu tư AM036

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>239.959.693</b>	<b>336.757.918</b>
Tăng trong kỳ	10.886.209.140	825.338.244
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	10.699.804.846	576.344.810
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	186.404.294	248.993.434
Giảm trong kỳ	(10.975.511.922)	(974.266.579)
<i>Giá trị tài sản ủy thác rút bớt trong kỳ</i>	(5.000.000.000)	-
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(5.475.146.695)	(765.466.981)
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	(500.365.227)	(208.799.598)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>150.656.911</b>	<b>187.829.583</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xi) Nhà đầu tư AMI29

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>167.583.408</b>	<b>268.775.996</b>
Tăng trong kỳ	231.494.866	1.371.439.716
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	<i>147.271.610</i>	<i>1.218.472.446</i>
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>84.223.256</i>	<i>152.967.270</i>
Giảm trong kỳ	(265.182.523)	(130.365.819)
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(129.300.000)</i>	<i>-</i>
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(135.882.523)</i>	<i>(130.365.819)</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>133.895.751</b>	<b>1.509.849.893</b>

(xii) Nhà đầu tư AMI58

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>183.170.189</b>	<b>-</b>
Tăng trong kỳ	232.649.802	12.575.315.836
<i>Giá trị tài sản ủy thác gửi thêm trong kỳ</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	<i>139.190.000</i>	<i>-</i>
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>93.459.802</i>	<i>2.575.315.836</i>
Giảm trong kỳ	(298.021.727)	(12.460.895.199)
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(129.300.000)</i>	<i>(9.938.706.987)</i>
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(168.721.727)</i>	<i>(2.522.188.212)</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>117.798.264</b>	<b>114.420.637</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xiii) Nhà đầu tư CB

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>5.186.345</b>	-
Tăng trong kỳ	659.339.501	-
<i>Giá trị tài sản ủy thác gửi thêm trong kỳ</i>	<i>217.394.026</i>	-
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>441.945.475</i>	-
Giảm trong kỳ	(655.337.342)	-
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(655.337.342)</i>	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.188.504</b>	-

(xiv) Các nhà đầu tư khác

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>7.393.695.237</b>	<b>7.073.517.496</b>
Tăng trong kỳ	114.298.093.289	304.513.922.217
<i>Giá trị tài sản ủy thác gửi thêm trong kỳ</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>15.270.000.000</i>
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	<i>38.744.103.083</i>	<i>218.335.710.517</i>
<i>Đáo hạn trái phiếu</i>	<i>45.553.990.206</i>	-
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	-	<i>70.908.211.700</i>
Giảm trong kỳ	(121.198.620.131)	(306.586.190.415)
<i>Giá trị tài sản ủy thác rút bớt trong kỳ</i>	<i>(43.707.621.315)</i>	<i>(221.848.115.279)</i>
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(74.377.328.204)</i>	<i>(26.232.284.885)</i>
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(3.113.670.612)</i>	<i>(58.505.790.251)</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>493.168.395</b>	<b>5.001.249.298</b>



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xv) Nhà đầu tư AM20

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>4.686.066.120</b>	<b>1.838.186.932</b>
Tăng trong kỳ	875.316.663.367	193.411.574.699
Thu từ bán chứng khoán	245.183.998.942	15.593.503.873
Đáo hạn trái phiếu	18.519.133.388	3.154.395.144
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	611.613.531.037	174.663.675.682
Giảm trong kỳ	(874.129.544.384)	(189.383.511.860)
Giá trị tài sản ủy thác rút bớt trong kỳ	(430.000.000.000)	-
Chi mua chứng khoán	(87.731.767.792)	(144.046.818.568)
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	(356.397.776.592)	(45.336.693.292)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.873.185.103</b>	<b>5.866.249.771</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 16. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>2.553.368.191.968</b>	<b>2.460.839.575.807</b>
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá:</i>		
BVH	90.438.859.310	92.694.985.671
CTG	54.046.827.247	
DHC	2.682.758.109	-
HT1	32.454.090.701	33.271.790.701
NT2	24.103.293.032	-
SGN	12.260.037.809	-
SMB	19.431.305.618	19.431.305.618
VHM	64.070.267.319	67.435.157.576
VIB	3.258.830.921	-
VIC	67.985.087.327	70.977.266.150
VNM	196.857.443.931	127.129.518.560
VRE	57.090.725.408	58.083.957.401
BMI	-	22.739.962.453
IJC	-	40.357.420.265
MCM	-	1.569.981.445
MSB	-	3.624.159.052
PAC	-	4.184.384.151
SAB	-	1.995.562.707
SMC	-	10.481.648.814
TCB	-	1.975.425.000
THG	-	22.064.064.256
<b>Cổ phiếu đăng ký giao dịch</b>	<b>41.195.383.076</b>	<b>16.743.973.350</b>
<i>Chi tiết cổ phiếu không niêm yết bị giảm giá:</i>		
VRG	12.600.000.000	12.600.000.000
SAS	-	1.823.970.014
VGG	-	2.320.003.336
<b>Trái phiếu</b>	<b>557.485.042.467</b>	<b>810.886.039.934</b>
<i>Chi tiết trái phiếu bị giảm giá:</i>		
ASG12201	70.351.831.219	-
MML121021	119.695.017.903	-
VHM121025	20.016.082.746	-
BCM12101	-	149.932.940.340
BID121028	-	15.000.000.000
MSN121015	-	5.000.986.600
VIC121003	-	19.077.638.755
VIC121005	-	18.310.049.930
<b>Chứng chỉ tiền gửi/ Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>3.227.337.342</b>	<b>70.985.000.000</b>
	<b><u>3.155.275.954.853</u></b>	<b><u>3.359.454.589.091</u></b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 17. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lãi được nhận	8.699.739.352	13.472.013.349
Cổ tức được nhận	8.542.994.356	8.039.589.000
Thu từ bán chứng khoán	2.758.801.192	2.607.195.750
Phải thu khác	800.383.561	23.154.179.646
	<b>20.801.918.461</b>	<b>47.272.977.745</b>

## 18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả phí quản lý danh mục	6.218.992.571	65.964.255.803
Phải trả phí lưu ký	129.730.396	135.751.172
Phải trả mua chứng khoán	-	2.719.597.018
Phải trả khác	1.849.307.849	2.411.507.588
	<b>8.198.030.816</b>	<b>71.231.111.581</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 19. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Phí quản lý từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư (i)	21.444.590.692	18.156.651.964
Phí quản lý từ hoạt động quản lý quỹ (ii)	10.754.675.553	7.439.171.223
Phí thường hoạt động (iii)	1.595.150.072	440.723.337
Phí tư vấn đầu tư	680.222.727	637.159.091
Doanh thu khác	1.649.793.572	512.268.411
	<b><u>36.124.432.616</u></b>	<b><u>27.185.974.026</u></b>

- (i) Công ty quản lý danh mục đầu tư cho các khách hàng và được hưởng phí quản lý tính trên vốn ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư ủy thác.
- (ii) Công ty hiện đang quản lý bốn quỹ là Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF, Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF và Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF. Theo quy định tại Điều lệ quỹ, Công ty được hưởng phí quản lý tính trên giá trị tài sản ròng của quỹ và được thanh toán hàng tháng.
- (iii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng khoản phí thường hoạt động nếu giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác tăng cao hơn mức tham chiếu được quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư.

## 20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Chi phí nhân viên	5.848.119.934	5.192.728.630
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.651.285.084	1.336.522.122
Chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối	895.612.302	77.374.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	648.228.853	417.130.002
Chi phí khác	1.606.738.455	1.056.206.447
	<b><u>10.649.984.628</u></b>	<b><u>8.079.961.250</u></b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	5.501.023.600	5.185.013.093
Thu nhập lãi trái phiếu	1.731.939.727	2.041.610.567
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	64.298.780	1.486.709.602
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.320.499	3.600.000
	<b><u>7.308.582.606</u></b>	<b><u>8.716.933.262</u></b>

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.135.979	7.603.266
Chi phí hoạt động đầu tư	1.359.847	15.345.043
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(8.187.158.875)
	<b><u>7.495.826</u></b>	<b><u>(8.164.210.566)</u></b>

## 23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Chi phí nhân viên	6.720.093.394	6.789.957.767
Chi phí thuê văn phòng	2.252.456.775	2.437.060.065
Chi phí thuế, phí và lệ phí	728.884.755	116.907.254
Chi phí tiếp tân, đối ngoại	630.024.703	851.721.457
Chi phí đi lại	275.031.177	302.356.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.808.284	337.549.284
Chi phí viễn thông	189.836.324	181.982.452
Chi phí khác	2.366.547.991	3.377.294.936
	<b><u>13.437.683.403</u></b>	<b><u>14.394.830.008</u></b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (kỳ trước: 20%) trên lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 24.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của giai đoạn tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.337.851.365</b>	<b>21.592.326.596</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	3.867.570.273	4.318.465.319
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>44.099.095</b>	<b>147.869.306</b>
Chi phí không được trừ	7.892.640	7.892.640
Thuế TNDN bổ sung kỳ trước	36.206.455	139.976.666
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(95.100)</b>	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	(95.100)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>3.911.574.268</b>	<b>4.466.334.625</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
  - ▶ Kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con); hoặc
  - ▶ Có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
  - ▶ Có quyền đồng kiểm soát Công ty.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết; hoặc
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành của Công ty hoặc Công ty mẹ; hoặc
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Thành viên góp vốn	Tiền gửi không kỳ hạn Tiền gửi có kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi Phải trả phí hợp tác	1.624.862.767 29.300.000.000 408.397.808 (3.484.727)	3.979.106.087 10.000.000.000 134.246.575 (24.542.193)
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải trả phí duy trì tài khoản Tiền gửi tài khoản chứng khoán	(11.454.392) 668.769.676	(11.232.597) 172.542.268
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	Công ty trong cùng tập đoàn	Đặt cọc thuê văn phòng	449.482.950	449.482.950
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Thành viên góp vốn	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Phải thu phí thưởng hoạt động Phải thu phí tư vấn đầu tư	1.271.173.886 - 378.795.000	2.000.002.672 7.229.870.387 361.200.000
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	13.393.639.981 386.484.545 112.745.644	13.393.639.981 276.024.876 -
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	13.734.999.981 905.302.989 598.354.831	13.734.999.981 414.447.280 -
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	50.795.457.817 43.886.534 147.202.441	50.795.457.817 10.374.238 -
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	50.000.000.000 774.151.332 418.079.912	50.000.000.000 264.388.744 -
Quỹ Hưu trí Cân bằng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	1.110.291	260.762



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Giao dịch bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Thành viên góp vốn	Lãi tiền gửi không kỳ hạn Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.144.505 274.151.233	3.123.351 134.246.575
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương	Công ty trong cùng tập đoàn	Phí hoa hồng duy trì tài khoản Lãi tiền gửi	(23.572.998) 923.723	(21.742.150) 1.862.095
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Công ty trong cùng tập đoàn	Chi phí thuê văn phòng Chi phí dịch vụ	(898.965.900) (60.962.354)	(988.862.490) (60.375.788)
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Thành viên góp vốn	Phí quản lý danh mục đầu tư Phí tư vấn đầu tư	3.255.850.858 680.222.727	3.698.264.059 637.159.091
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch	2.047.571.556 126.830.071	1.529.287.969 139.746.618
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch	4.664.773.205 683.304.272	3.293.592.028 138.251.414
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch	150.557.185 217.410.478	44.266.372 8.265.578
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch	3.891.773.607 622.248.751	2.572.024.854 226.004.801
Quỹ Hưu trí Cân bằng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	849.529	-
Thu nhập Ban Điều hành trong kỳ như sau:				
Ban Điều hành	Tiền lương và thưởng		(1.614.956.957)	(1.839.742.880)

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 26.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

#### Rủi ro tỷ giá

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Công ty có các tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng bằng USD	<u>10.236.809</u>	<u>9.761.310</u>

Sau đây là tỷ giá ngoại hối chính được Công ty áp dụng:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
USD/VND	<u>25.253</u>	<u>24.080</u>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 26.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

#### Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Mức tăng giả định %/năm	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>		
USD	+3%	307.104
USD	-3%	(307.104)

#### Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá thị trường của các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty vào các chứng chỉ quỹ là 217.317.034.119 VND (giá trị ghi sổ: 127.924.097.779 VND). Nếu giá thị trường của các khoản đầu tư này giảm 10% tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng và không phải trích lập bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (31/12/2023: 0 VND).

### 26.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán có uy tín tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 26.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền	2.319.991.248	-	-	-	2.319.991.248
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp	127.924.097.779	232.922.843.835	-	-	360.846.941.614
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	14.008.181.040	-	-	14.008.181.040
Đầu tư dài hạn khác	-	-	30.000.000.000	10.000.000.000	40.000.000.000
	<b>130.244.089.027</b>	<b>246.931.024.875</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>417.175.113.902</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán	-	12.000.000	-	-	12.000.000
Chi phí phải trả	-	387.956.576	-	-	387.956.576
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	487.063.846	-	-	487.063.846
	-	<b>887.020.422</b>	-	-	<b>887.020.422</b>
<b>Trạng thái thanh khoản ròng</b>	<b>130.244.089.027</b>	<b>246.044.004.453</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>416.288.093.480</b>

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

### 27. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	2.319.991.248	4.194.349.438	2.319.991.248	4.194.349.438
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp (**)	360.846.941.614	312.325.573.216	(*)	(*)
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.008.181.040	73.116.893.814	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn khác	40.000.000.000	40.000.000.000	(*)	(*)
	<b>417.175.113.902</b>	<b>429.636.816.468</b>		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	12.000.000	829.176.164	(*)	(*)
Chi phí phải trả	387.956.576	16.085.542.943	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	487.063.846	417.401.641	(*)	(*)
	<b>887.020.422</b>	<b>17.332.120.748</b>		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*\*) Trong đó bao gồm danh mục đầu tư vào chứng chỉ quỹ có giá trị ghi sổ tại 30 tháng 6 năm 2024 là 127.924.097.779 VND và giá trị hợp lý là 217.317.034.119 VND. Tại 31 tháng 12 năm 2023, giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của danh mục đầu tư vào chứng chỉ quỹ lần lượt là 127.924.097.779 VND và 194.253.424.177 VND.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền thuê văn phòng		
- Đến 1 năm	4.955.138.843	4.877.474.168
- Từ 1 đến 5 năm	1.566.601.142	3.010.003.680

## 29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024